TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **164**/2020/HC-PT
Ngày: 13-9-2020
V/v: "Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Long**
Các Thẩm phán: Bà **Lê Thúy Cầu**
Ông **Trần Quốc Cường**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Phương Liên**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà*:** Ông **Phạm Tấn Ánh** - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 13 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 75/2019/TLPT-HC ngày 30 tháng 12 năm 2019, về việc *"Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*. Do bản án hành chính sơ thẩm số 37/2019/HC- ST ngày 08 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1367/2020/HC-ST ngày 28 tháng 08 năm 2020, giữa các đương sự:

**** Người khởi kiện:*** Ông Y L Êban. Địa chỉ: số nhà 99 đội 5, buôn B, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Y L Êban: Ông Đặng Anh T, sinh năm 1988. Địa chỉ: I10 Đường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (văn bản ủy quyền ngày 10/9/2020); Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Hồ Ngọc H – Luật sư VPLS Hồ Ngọc H, Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ: I10 Đường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Có văn bản xin xét xử vắng mặt.

**** Người bị kiện*:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk;

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Nguyễn Tuấn H1 - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Trần Văn S - Chức vụ: Phó giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk; Có văn bản xin xét xử vắng mặt.

- Ông Phạm Duy T2 - Công chức Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: số 46 đường P, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1/ Công ty Cổ phần CS. Địa chỉ: 30 đường N, TP. B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Quang N1 - chức vụ: Tổng giám đốc; có văn bản xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn D - Chức vụ: Phó trưởng phòng Nhân sự - Pháp chế; vắng mặt.

2/ Nông trường C - Chi nhánh Công ty cổ phần CS; Địa chỉ: Thôn 4, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Có văn bản xin xét xử vắng mặt.

3/ Bà H'D Ayun;

4/ Chị H'D1 Ayun;

5/ Chị H'T Ayun;

Cùng địa chỉ: Buôn B, xã E, huyện C, Đắk Lắk (là vợ, con ông Y L). Đều vắng mặt.

6/ Chị H'H Ayun;

7/ Chị H'D Ayun;

Cùng địa chỉ: Buôn B, xã E, huyện C, Đắk Lắk. Đều vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H'D Ayun: Ông Hồ Ngọc H – Luật sư VPLS Hồ Ngọc H, Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ: I10 Đường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có văn bản xin xét xử vắng mặt.

8/ Chị H'D2 Nguyễn Êban; địa chỉ: Buôn B, xã E, huyện C, Đắk Lắk. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H'D Ayun, chị H'D1 Ayun, chị H'T Ayun, chị H'D Ayun, chị H'D2 Nguyễn Êban: Ông Đặng Anh T. Địa chỉ: I10 Đường T1, phường T3, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

**** Người kháng cáo:*** Người khởi kiện – ông Y L Êban.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người khởi kiện và người đại diện trình bày:

Gia đình ông Y L Êban có 14 ha đất trồng cao su tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Đất có nguồn gốc trước đây là của ông Y B1 Mlô khai hoang được 28 ha đất.

Năm 1989 ông Y B1 cùng 17 hộ gia đình làm đơn xin ký kết hợp đồng liên kết trồng cao su xen cà phê với Liên hiệp các xí nghiệp CS (nay là Công ty Cổ phần CS), đơn được Ủy ban nhân dân xã C, huyện E1 xác nhận (nay là xã C, huyện C). Đến năm 1990, Công ty CS xét duyệt, ký kết hợp đồng với mục đích phía công ty cho ông Y B1 vay tiền đầu tư trồng cao su. Ngày 26/9/1995, ông Y L Êban nhận chuyển nhượng 14 ha đất trong tổng số 28 ha đất của ông Y B1 Mlô. Hai bên lập giấy viết tay, có xác nhận của Ban tự quản khối 1 Buôn K, Trung tâm cao su C, UBND P. T4, Công ty CS. Hai bên đã thanh toán xong tiền và đã bàn giao đất trên thực địa. Tại thời điểm nhận chuyển nhượng, trên đất trồng cây cao su, xen với cây cà phê. Từ sau khi nhận chuyển nhượng, gia đình ông Y L không thấy chính quyền địa phương triển khai, thông báo cho các hộ dân về việc kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất. Đến năm 1998, cây cao su cho thu hoạch, bắt đầu từ đó, hàng năm gia đình ông Y L phải nộp sản lượng khoán cho Công ty. Từ sau khi nhận chuyển nhượng, gia đình ông Y L vẫn nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp cho Ủy ban nhân dân xã E. Đến năm 2018, gia đình ông Y L được Công ty Cao su thông báo cho biết là 14 ha đất của gia đình ông đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Nông trường C thuộc Công ty CS. Lúc này gia đình ông đi khiếu nại và được Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk trả lời tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 64/QĐ-UBND ngày 11/01/2019, nội dung không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông Y L Êban về việc khiếu nại Quyết định số 2782/QĐ-UBND ngày 21/10/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc cho Nông trường C thuê 17.752.447 m^2 đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 434861 cho Nông trường C. Ông Y L Êban xác định 14 ha đất trên thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình ông, nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 64/QĐ-UBND ngày 11/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk về việc giải quyết nội dung khiếu nại.

Đại diện ủy quyền của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk trình bày:

Năm 2001, UBND tỉnh Đắk Lắk nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng 16.987.647 m^2 đất tại xã E, huyện C cho Nông trường cao su 1/5 (Nay là Nông trường C), hồ sơ gồm đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất, tờ trình của UBND huyện C, tờ trình của Sở địa chính, các tờ trích lục bản đồ địa chính, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2655/QĐ-UB ngày 06/9/2001 về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Nông trường cao su 1/5, giấy chứng nhận số R596465.

Năm 2008, Nông trường C lập hồ sơ đăng ký biến động về quyền sử dụng đất và đề nghị UBND tỉnh cấp lại giấy chứng nhận cho nông trường, hồ sơ gồm đơn xin cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận, các tờ trích lục bản đồ địa chính, báo cáo tình hình sử dụng đất, công văn của UBND huyện C về việc xin thuê đất và cấp giấy chứng nhận cho nông trường, tờ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Ngày 21/10/2008 UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2782/QĐ-UBND về việc cho Nông trường C thuê 17.752.447 m^2, Giấy chứng nhận số AH 434862 và AH 434861. Như vậy, việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Nông trường C được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định của Luật đất đai năm 1993, Luật đất đai năm 2003.

Diện tích 14ha đất ông Y L Êban khởi kiện nằm trong diện tích 1.775.244,7 m^2 tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 434861 ngày 21/10/2018 của Nông trường C. Theo các tài liệu trong hồ sơ xin nhận khoán trồng cao su thể hiện ông Y L Êban chỉ là người nhận chuyển nhượng lại 14 ha vườn cây cao su và trong quá trình nhận chuyển nhượng ông Y L cam kết thực hiện mọi điều khoản trong hợp đồng kinh tế trồng mới và chăm sóc cao su mà ông Y B1 Mlô đã ký kết với Công ty CS, ông Y L phải có trách nhiệm, nghĩa vụ thực hiện các nội dung tại các hợp đồng mà ông Y B1 Mlô đã ký trước đó.

Trong quá trình giải quyết khiếu nại, ông Y L Êban có xuất trình chứng cứ là Giấy chuyển nhượng vườn cao su trồng năm 1990, Danh sách các hộ dân có đất rẫy xin trồng cao su tại buôn B. Theo giấy chuyển nhượng vườn cao su trồng năm 1990 giữa ông Y B1 Mlô và ông Y L Êban và ông Đinh Công H2 ngày 26/9/1995 được Ban tự quản khối 1 buôn K1 và UBND phường T4, tp. B xác nhận chỉ thể hiện ông Y B1 Mlô có hộ khẩu thường trú ở buôn K1, không thể hiện việc ông Y B1 Mlô sang nhượng đất cho ông Y L Êban. Theo Danh sách các hộ dân có đất rẫy xin trồng cao su tại buôn B do ông Y B1 Mlô lập ngày 03/9/1989, được UBND xã C xác nhận ngày 09/9/1989 có nội dung 18 hộ dân có đất rẫy để trồng cà phê có vay vốn của Liên hiệp các xí nghiệp CS, tuy nhiên tại Kết luận của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk và Công văn trả lời của Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh Đắk Lắk thể hiện thời điểm UBND xã C xác nhận vào danh sách này là sau ngày 06/9/1995.

Do vậy, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 11/01/2019 về việc giải quyết khiếu nại của ông Y L Êban, nội dung không chấp nhận đơn khiếu nại của ông Y L là phù hợp, đúng quy định. Vì vậy, UBND tỉnh đề nghị Tòa án không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Y L.

Quá trình tố tụng, Đại diện ủy quyền của Công ty Cổ phần CS trình bày:

Thực hiện chủ trương của UBND tỉnh Đắk Lắk và Tổng cục cao su Việt Nam về việc ký kết hợp đồng nguyên tắc trồng cao su với Cộng hòa dân chủ Đức, ngày 23/11/1989 Liên hiệp các xí nghiệp CS (nay là Công ty Cổ phần CS) đã ký kết hợp đồng với Xí nghiệp thi công cơ giới nông nghiệp để khai hoang phục hóa 430 ha đất tại Nông trường 1/5 (đơn vị trực thuộc Công ty Cổ phần CS). Tại Biên bản nghiệm thu đợt 1 ngày 22/02/1990 thể hiện, đại diện chủ hộ liên kết ông Y B1 Mlô xác nhận khối lượng diện tích đã khai hoang 100 ha hoàn chỉnh và cày rạch hàng.

Tháng 8/1989 ông Y B1 Mlô, ông Y G Mlô, ông Y R Niê đứng tên trong đơn xin nhận 100 ha đất để liên kết trồng cao su. Ngày 20/3/1990 Công ty CS ban hành Quyết định số 01/90/QĐ-LH giao 100,7 ha đất đã khai hoang năm 1990 thuộc lô số 1, 4, 5, 13, 14 của Nông trường 1/5 (vùng Đội 5) cho ông Y B1 Mlô để trồng cao su liên kết (kèm theo quyết định là mặt bằng vị trí khu đất liên kết năm 1990). Ngày 15/3/1991 ông Y B1 Mlô trả lại cho Nông trường 1/5 diện tích 55,2ha, chỉ giữ lại 46,1 ha và ký kết hợp đồng vay vốn để trồng mới cao su. Năm 1993 ông Y B1 Mlô tách cho bà H D3 Ayun (vợ ông Y B1 Mlô) 18ha, còn lại 28ha là của ông Y B1 Mlô. Năm 1995 ông Y B1 Mlô chuyển nhượng lại 14ha vườn cao su cho ông Y L Êban và 14ha vườn cao su cho ông Đinh Công H2. Giấy chuyển nhượng có xác nhận đồng ý của Giám đốc Công ty CS. Sau đó, năm 1996 Trung tâm cao su C ký kết hợp đồng vay vốn dài hạn trồng mới và chăm sóc cao su với ông Y L Êban và hợp đồng được thực hiện cho đến nay.

Ngày 06/9/2001 UBND tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R596465, diện tích 16.987.647 m^2 cho Nông trường cao su 1/5 (Nay là Nông trường C), trong đó có 100,7ha đất mà trước đây Liên hiệp các xí nghiệp CS đã giao cho ông Y B1 Mlô trồng cao su. Ngày 21/10/2008 UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 2782/QĐ-UBND và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 434861 cho Nông trường C thuê 17.752.447 m^2.

Phần diện tích đất 14ha cao su liên kết với ông Y L Êban nằm trong tổng thể diện tích 17.752.447 m^2 được UBND tỉnh Đắk Lắk cho Nông trường C thuê theo Quyết định số 2782/QĐ-UBND ngày 21/10/2008 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 434861.

Như vậy, 14ha đất trồng cao su mà ông Y L khởi kiện nằm trong diện tích đất UBND tỉnh Đắk Lắk cho Công ty CS thuê, sau đó Công ty giao lại cho ông Y B1 Mlô để trồng cao su. Theo giấy chuyển nhượng vườn cây cao su thể hiện ông Y B1 Mlô chỉ chuyển nhượng vườn cây cao su, không chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Y L là không có cơ sở. Việc UBND tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho Nông trường C đúng theo trình tự, thủ tục quy định của Luật đất đai năm 1993, năm 2003. Do vậy, đề nghị Tòa án không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Y L Êban.

Tại văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án, Đại diện của Nông trường C trình bày:

Thống nhất với lời trình bày của Công ty cổ phần CS, đề nghị Tòa án giải quyết đơn khởi kiện của ông Y L theo đúng quy định của pháp luật, đồng thời từ chối tham gia tố tụng tại Tòa án.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vợ và con của ông Y L nhất trí với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông Y L.

Với nội dung nêu trên,

Tại bản án hành chính sơ thẩm số: 37/2019/HC- ST ngày 08 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 32; điểm a khoản 3 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 157; điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 206 Luật tố tụng hành chính;

Căn cứ khoản 1 Điều 21; các Điều 29, 30, 31 Luật Khiếu nại năm 2011;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Y L Êban về việc: Hủy quyết định giải quyết khiếu nại số 64/QĐ-UBND ngày 11/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Trong thời hạn luật định,

Ngày 20/11/2019, ông Y L Êban kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ, đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định.

Tại phiên tòa, người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, người bị kiện không thay đổi, bổ sung, không rút kháng cáo; các đương sự không hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án, yêu cầu Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm giải quyết.

[1]. Xét nội dung kháng cáo của ông Y L Êban yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 64/QĐ-UBND ngày 11/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk, thấy:

[1.1] Về thẩm quyền ban hành quyết định: Ông Y L Êban khiếu nại việc UBND tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Nông trường C theo quyết định số 2782/QĐ-UBND ngày 21/10/2008, trong đó có 14 ha đất trồng cây cao su mà gia đình ông nhận chuyển nhượng của ông Y B1 Mlô. Đề nghị UBND tỉnh Đắk Lắk điều chỉnh lại GCNQSD đất đã cấp cho Nông trường C theo hướng trừ đi diện tích 14 ha đất của gia đình ông. Nên Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành quyết định giải quyết khiếu nại là đúng thẩm quyền.

[2.2] Về trình tự, thủ ban hành quyết định:

Sau khi nhận đơn khiếu nại đề ngày 27/12/2014 của ông Y L Êban, UBND tỉnh Đắk Lắk giao Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk thẩm tra, xác minh nội dung khiếu nại. Sau khi tiến hành thẩm tra, xác minh, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk có báo cáo kết quả thẩm tra, xác minh. UBND tỉnh Đắk Lắk đã nhiều lần tổ chức đối thoại nhưng không thành. Đến ngày 11/01/2019, Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành quyết định giải quyết khiếu nại. Như vậy, việc giải quyết khiếu nại đã được thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định.

[2.3] Về căn cứ ban hành quyết định:

Theo Biên bản kiểm tra hiện trạng sử dụng đất (BL.183), vị trí khu đất theo đơn khiếu nại của ông Y L thuộc một phần thửa đất số 12, tờ bản đồ số 17 nằm trong tổng diện tích 17.752.447 m^2 đất mà UBND tỉnh Đắk Lắk cho Nông trường C thuê theo quyết định số 2782/QĐ-UBND ngày 21/10/2008 và cấp GCNQSD đất số AH 434861 cho Nông trường C.

Về nguồn gốc diện tích đất mà UBND tỉnh Đắk Lắk cấp GCNQSD đất cho Nông trường C: Ngày 14/9/1987, UBND tỉnh Đắk Lắk lập tờ trình xin Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng xét duyệt dự án đầu tư và quy hoạch vùng chuyên doanh cao su thiên nhiên hợp tác với CHDC Đức đã được Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng xét duyệt và quyết định giao UBND tỉnh Đắk Lắk thực hiện hiệp định hợp tác với CHDC Đức trồng 10.000 ha cao su.

Ngày 23/11/1989, Liên hiệp các xí nghiệp CS (Sau đây viết tắt là LHCXN CS), ký hợp đồng thi công công trình với Xí nghiệp thi công cơ giới nông nghiệp để khai phục hoang 430 ha đất.

Tháng 8/1989, ông Y B1 Mlô, Y J Mlô và ông Y R1 Mlô cùng làm đơn xin hợp đồng đất trồng cà phê gửi Nông trường cao su 1/5 (BL. 125). Tổng Giám đốc LHCXN CS phê duyệt trong đơn: Thống nhất cho anh em dân tộc đội 5 trồng cao su và trồng xen cà phê.

Tháng 9/1989, ông Y B1 Mlô, Y J Mlô và ông Y R1 Mlô tiếp tục làm đơn xin hợp đồng liên kết trồng cao su xen cà phê gửi Tổng Giám đốc LHCXN CS. Diện tích xin là 100 ha khu vực giáp suối Buôn B (BL.128).

Tại biên bản nghiệm thu đợt I (BL.113) giữa hội đồng nghiệm thu và đại diện đơn vị thi công ngày 22/02/1990, thể hiện: Khai hoang chủ hộ Y B1 100 ha hoàn chỉnh theo dự toán. Biên bản có chữ ký của ông Y B1.

Tại Giấy chuyển nhượng vườn cao sau trồng năm 1990 ghi ngày 25/10/1995, thì ông Y B1 Mlô chuyển nhượng cho vợ chồng ông Y L Êban và bà H'D Ayun (BL. 144) diện tích đất 14 ha và cây trồng trên đất, có thể hiện nội dung: *"... Sau khi bàn bạc thống nhất chuyển nhượng số diện tích đất nói trên cho hai hộ thuộc dòng họ của tôi ....và từ nay trở đi hai hộ nói trên có quyền sở hữu về lâu dài .."* . Hợp đồng này được Ban tự quản khối 1 Buôn K, Trung tâm cao su C, UBND phường T4, Công ty CS xác nhận.

Theo trình bày của người khởi kiện ông Y L Êban, sau khi nhận chuyển nhượng đất và cây trồng trên đất từ năm 1995, gia đình ông quản lý, sử dụng làm nhà ở và trồng cây cà phê, cây bơ, cây sầu riêng ...đồng thời, tặng cho các con đất để canh tác trồng cây và làm nhà ở trên đất gồm: H'D Ayun, H'D1 Ayun, H'T Ayun, H'D2 Nguyễn Êban, Nguyễn Mai H3, Nguyễn Đức N2 và tặng cho người thân đất canh tác gồm Nguyễn Văn N2, H'D4 Êban hiện nay trồng cà phê, sầu riêng đã thu hoạch.

Như vậy, những người này có quyền lợi trực tiếp liên quan đến diện tích đất 14 ha (đất, nhà và tài sản trên đất) mà Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk chưa xem xét, giải quyết quyền lợi đối với tài sản của họ khi cho Nông trường cao su C thuê đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 434861, nên cần phải xem xét.

Khi giải quyết lại vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm phải tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ để xác định trên diện tích đất mà Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 4348621 cho Nông trường CS có đúng quy định pháp luật hay không, để từ đó xem xét Quyết định giải quyết khiếu nại số 64/QĐ-UBND ngày 11/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk đối với nội dung khiếu nại của ông Y L Êban có đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, có đảm bảo đúng quy định pháp luật hay chưa. Tòa án cấp sơ thẩm chưa tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ là vi phạm Điều 88 Bộ luật tố tụng hành chính; ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa đầy đủ những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có tài sản trên đất tham gia tố tụng trong vụ án để họ trình bày, yêu cầu giải quyết quyền lợi, nghĩa vụ của họ như thế nào mà đã cấp Giấy chứng nhận cho Nông trường CS là vi phạm Điều 58 Bộ luật tố tụng hành chính; ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được nên cần chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, hủy án sơ thẩm để giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

Do hủy án sơ thẩm nên chưa xem xét toàn diện đến nội dung kháng cáo của người khởi kiện.

[3] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Y L Êban, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm. Đề nghị này là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên không chấp nhận.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do hủy án sơ thẩm nên người khởi kiện ông Y L Êban không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm, được hoàn trả lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính;

Chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Y L Êban;

1. Hủy toàn bộ Bản án Hành chính sơ thẩm số 37/2019/HC-ST ngày 08/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk về: "*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*" giữa người khởi kiện là Y L Êban với người

bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Y L Êban không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm; hoàn trả lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004087 ngày 27/11/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

4. Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 13/9/2020).

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk (kèm hồ sơ);
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Long